TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2023/DS-PT
Ngày: 09-8-2023
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/TLPT- DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 về *"Tranh chấp đòi tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS – ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2223/2023/QĐ – PT ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: số nhà A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1964. Địa chỉ: số nhà E, khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

1.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số nhà F, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hạnh T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Ben Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* bị đơn Nguyễn Thị Hạnh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2011, ông bà có cho bà Nguyễn Thị Hạnh T1 (bà L là dì ruột của bà T1) mượn số tiền 250.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC. Mục đích bà T1 mượn vàng và tiền để làm ăn, phục vụ kinh tế gia đình (bà T1 là chủ tiệm C). Ông bà giao tiền và vàng trực tiếp cho bà T1, chỉ cho mượn không tính lãi, không hẹn thời gian trả, hai bên thỏa thuận bằng lời nói khi nào ông bà cần lấy lại thì báo trước cho bà T1 01 tháng để bà T1 sắp xếp.

Vì hai bên có quan hệ thân thích, tin tưởng nhau nên không lập hợp đồng vay mượn. Tuy nhiên, bà T1 có tự ghi các khoản nợ nêu trên vào cuốn sổ ghi chép của bà L (viết bằng mực màu đỏ) nhưng không có ký tên, chữ viết là của bà T1, sổ này do vợ chồng ông bà giữ.

Khi cần lấy lại số tiền, vàng đã cho mượn thì ông bà đã nhiều lần thông báo cho bà T1 biết nhưng bà T1 chỉ hẹn mà không trả nợ. Đến năm 2022, bà T1 vẫn không trả nợ nhưng có tự viết cho ông bà một tờ giấy có nội dung thừa nhận nợ và hẹn đến tháng 10 năm 2028 dl mới trả. Do không đồng ý thời gian bà T1 hẹn trả nợ nên ông bà làm đơn khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hạnh T1 phải trả cho ông bà số tiền và vàng đã mượn là 250.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC, không yêu cầu tính lãi.

Việc mượn nợ là của cá nhân bà T1, chồng bà T1 là ông Lý Quốc L1 không biết nên ông bà chỉ yêu cầu một mình bà T1 trả nợ, không yêu cầu ông L1 cùng trả.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh T1 và người đại điện theo ủy quyền của bà T1 là ông Phạm Quốc V trình bày:

Bà không có mượn tiền và vàng của ông T, bà L như ông bà trình bày. Đối với 04 tờ giấy có nội dung ghi nợ do ông T, bà L cung cấp thì bà không thừa nhận, vì những tờ giấy này không có tiêu đề, bản sao chụp không có công chứng, chứng thực, nội dung không thể hiện việc bà có mượn tiền, vàng của ông T, bà L; bà cũng không có ký tên, điểm chỉ. Về tờ giấy không có tiêu đề, không có ngày tháng năm do ông T, bà L mới cung cấp có nội dung bà thừa nhận nợ ông T, bà L số tiền 250.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC, có ghi tên Hạnh T1 nhưng không ghi rõ năm sinh, địa chỉ nên không biết bà H T1 trong tờ giấy là bà T1 nào, ở đâu.

Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS–ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyên Văn T2 và bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh T1.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh T1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L số tiền gốc 250.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng khác, án phí, lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/6/2023, bị đơn Nguyễn Thị Hạnh T1 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh T1, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người này.

[2] Ông T và bà L trình bày năm 2011 ông bà cho bà Nguyễn Thị Hạnh T1 vay 250.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC, hai bên không lập thành hợp đồng nhưng bà T1 có tự ghi các khoản nợ trên vào sổ ghi chép của bà L. Hai bên thoả thuận không tính lãi và không xác định thời gian trả, khi nào ông bà cần sẽ báo trước để bà T1 trả lại. Ông bà đã nhiều lần yêu cầu bà T1 trả lại tiền và vàng nhưng bà T1 không thực hiện nên khởi kiện yêu cầu bà T1 trả lại khoản tiền gốc 250.000.000 đồng và số vàng là 02 lượng vàng SJC, không yêu cầu tính lãi.

Bà T1 cho rằng bà không có vay mượn tiền, vàng của nguyên đơn, 05 tờ giấy (dạng giấy tập học sinh kẻ ô ly) không có tiêu đề, không ghi ngày tháng năm do nguyên đơn cung cấp không phải do bà viết do đó bà không đồng ý trả tiền và vàng theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Đối với 05 tờ giấy (dạng giấy tập học sinh kẻ ô ly) không có tiêu đề, không có ghi ngày tháng năm do nguyên đơn cung cấp, có nội dung cụ thể:

- *"T1 mượn dượng Mười: 2 lượng SJC X 35.000 — 70.000.000."* (bút lục 36, ký hiệu A1)

- *"Gởi sau: 20.000.000 (hai chục triệu)"* (bút lục 37, ký hiệu A2);

- *"Dượng Mười: 1.000.000.000 (2%) (Một trăm triệu)"* (bút lục 38, ký hiệu A3);

-*"Trang M dượng Mười 200.000.000 (hai trăm triệu đồng)* " (bút lục 39, ký hiệu A4);

-*"Con Hạnh T1 có mượn của D, dượng Mười 2 lượng SJC (có mặt dượng M1 đưa cho con) giao khi nào trả giá vàng nhiêu thì tính bao nhiêu. Mượn của Dì M2 số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm chục triệu đồng)..."* (bút lục 40, ký hiện A5).

Xét thấy, các giấy tay này tuy nội dung, hình thức không rõ ràng, không đầy đủ họ tên, năm sinh của người nhận, nhưng các tờ giấy (ký hiệu A1, A4, A5) đều có nội dung "T1 mượn dượng M2". Bà T1 không thừa nhận 05 tờ giấy tay do bà viết nhưng căn cứ vào Kết luận giám định số 69/2023/KL-KTHS ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B đã kết luận: chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với chữ viết "Nguyễn Thị Hạnh T1" trên các tài liệu mẫu (M1, M4, M5) do cùng một người viết ra. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với kết luận giám định nêu trên và không yêu cầu trưng cầu giám định lại.

Do đó, có cơ sở xác định bà T1 có vay của nguyên đơn số tiền 250.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC. Bà T1 chưa thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản cho nguyên đơn nên căn cứ theo Điều 166 Bộ luật Dân sự Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Bà T1 kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hạnh T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS – ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh T1 về việc tranh chấp đòi tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Hạnh T1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và số vàng là 02 (hai) lượng vàng SJC.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về chi phí tố tụng khác: bà Nguyễn Thị Hạnh T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L số tiền 3.800.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Hạnh T1 phải nộp 19.240.000 đồng.

H1 lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.600.000 đồng theo biên lai thu số 0008480 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Hạnh T1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004430 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi Cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng